

Số: 548 /KH-UBND

Kon Tum, ngày 07 tháng 3 năm 2018

KẾ HOẠCH

Phát triển vật liệu xây không nung đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 và lộ trình giảm dần, chấm dứt sản xuất gạch xây đất sét nung bằng lò thủ công trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 567/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình phát triển vật liệu xây dựng không nung đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1469/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sử dụng vật liệu xây không nung và hạn chế sản xuất, sử dụng gạch đất sét nung;

Căn cứ Thông tư 13/2017/TT-BXD ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quy định sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 07/TTr-SXD ngày 27 tháng 02 năm 2018, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện, cụ thể như sau:

I. HIỆN TRẠNG SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

Hiện nay, tổng sản lượng sản xuất gạch xây trên địa bàn tỉnh Kon Tum khoảng 194,79 triệu viên/năm, trong đó:

1. Sản xuất gạch xây bằng lò tuy nơ

S TT	Tên cơ sở sản xuất	Dự án, chủ trương đầu tư đã được UBND tỉnh phê duyệt		Thực tế sản xuất	
		Số lượng Dây chuyên	Sản lượng thiết kế (Tr.v/năm)	Số lượng Dây chuyên	Sản lượng thực tế (Tr.v/năm)
1	Công ty Cổ phần Hùng Phát	2	30	1	10

S TT	Tên cơ sở sản xuất	Dự án, chủ trương đầu tư đã được UBND tỉnh phê duyệt		Thực tế sản xuất	
		Số lượng Dây chuyền	Sản lượng thiết kế (Tr.v/năm)	Số lượng Dây chuyền	Sản lượng thực tế (Tr.v/năm)
2	Công ty TNHH Hòa Nghĩa	2	30	2	20
3	Công ty cổ phần Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum	2	20	2	20
4	Công ty TNHH MTV Phúc Thịnh Phát Kon Tum	1	10	0	0
5	Công ty cổ phần đầu tư gạch Tuynel Đức Bảo	1	20	0	0
Tổng		8	110	5	50

2. Sản xuất gạch xây không nung

Trên địa bàn tỉnh đã có 11 doanh nghiệp lập hồ sơ xin chủ trương đầu tư sản xuất gạch không nung, với công suất (theo dự án được lập) khoảng 100 triệu viên/năm. Hiện nay đã có 04 nhà máy đang sản xuất với tổng công suất khoảng 30 triệu viên/năm.

3. Sản xuất gạch xây đất sét nung bằng lò nung thủ công

Trên địa bàn tỉnh hiện có 205 cơ sở, hộ cá thể và 01 Hợp tác xã sản xuất gạch xây đất sét nung với 313 lò nung thủ công. Công suất khoảng 114,79 triệu viên/năm, cụ thể:

- Địa bàn thành phố Kon Tum: 202 cơ sở và 01 Hợp tác xã với 310 lò nung thủ công, công suất khoảng 113,59 triệu viên/năm⁽¹⁾.

- Địa bàn huyện Sa Thầy: 03 cơ sở, hộ cá thể với 03 lò nung thủ công, công suất khoảng 1,2 triệu viên/năm⁽²⁾.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu chung

- Phát triển sản xuất và sử dụng vật liệu xây không nung để thay thế gạch đất sét nung, tiết kiệm đất nông, lâm nghiệp, góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, giảm thiểu khí phát thải gây hiệu ứng nhà kính và ô nhiễm môi trường, giảm chi phí xử lý phế thải của các ngành công nghiệp, tiết kiệm nhiên liệu hóa thạch, đem lại hiệu quả kinh tế chung cho toàn xã hội.

- Đảm bảo các dự án đầu tư sử dụng lò nung theo công nghệ tiên tiến, hiện đại nhằm đáp ứng các yêu cầu về khả năng chịu lực, an toàn vận hành, tiết kiệm tài nguyên và vệ sinh môi trường.

¹ Văn bản số 153/UBND-TH ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum.

² Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy.

- Dừng đầu tư mới, đầu tư mở rộng các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng tại Thông báo số 14/TB-VPCP ngày 09/01/2018 của Văn phòng Chính phủ.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phát triển sản xuất và sử dụng loại vật liệu xây không nung thay thế gạch đất sét nung đạt tỷ lệ tối thiểu 40% vào năm 2020.

- Sử dụng phế thải công nghiệp, vật liệu có sẵn tại địa phương để sản xuất vật liệu xây không nung, hạn chế sử dụng cát tự nhiên, tiết kiệm đất nông nghiệp và diện tích đất chứa phế thải của địa phương.

- Tiến tới chấm dứt hoạt động các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công, lò thủ công cải tiến, lò đứng liên tục và lò vòng sử dụng nhiên liệu hóa thạch (*than, dầu, khí*).

- Ngăn chặn những tiềm ẩn, nguy cơ gây thiệt hại về người trong quá trình khai thác, sử dụng các lò nung thủ công sản xuất vật liệu xây dựng.

III. LỘ TRÌNH GIẢM DẦN, CHẤM DỨT SẢN XUẤT GẠCH ĐẤT SÉT NUNG BẰNG LÒ THỦ CÔNG VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM TỪ NĂM 2018 - 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025

1. Lộ trình giảm dần, chấm dứt sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công trên địa bàn tỉnh Kon Tum

1.1. Gạch đất sét nung bằng lò thủ công

Thực hiện Quyết định số 1469/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Thông tư số 13/2017/TT-BXD ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quy định sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng. Trong điều kiện, tình hình thực tế tại địa phương, việc xây dựng lộ trình giảm dần và chấm dứt sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công trên địa bàn tỉnh được cụ thể như sau:

Lộ trình - Thời gian	Số lò gạch hiện trạng	Kế hoạch giảm			Số lò gạch thủ công còn lại		
		Số lò	Tỷ lệ (%)	Sản lượng (tr.viên)	Số lò	Tỷ lệ (%)	Sản lượng (tr.viên)
Năm 2018	313	107	34	38,57	206	66	76,22
Năm 2019	206	72	22	26,64	134	43	49,58
Năm 2020	134	67	22	24,79	67	22	24,79
Đến năm 2025	67	67	22	24,79	0	0	0

1.2. Đối với lò nung thủ công sản xuất các nhóm vật liệu xây dựng khác:

Không chấp thuận đầu tư dự án, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng bằng lò nung thủ công.

2. Kế hoạch sản xuất vật liệu xây trên địa bàn tỉnh từ năm 2018 - 2020, định hướng đến 2025

2.1. Phương hướng chung:

Nhu cầu vật liệu xây của tỉnh Kon Tum theo dự báo đến năm 2020 là khoảng 280 triệu viên (*Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2015, định hướng đến năm 2020*). Với sản lượng vật liệu xây hiện nay khoảng 194,79 triệu viên/năm, đáp ứng khoảng 69,6% nhu cầu vào năm 2020.

a) *Sản xuất gạch xây bằng lò tuynen*: Trong năm 2018 và những năm tiếp theo cần tiếp tục giữ ổn định sản xuất theo quy mô chủ trương đã có của cấp có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh, đạt sản lượng khoảng 110 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm; Dừng đầu tư mới, đầu tư mở rộng các cơ sở sản xuất theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng tại Thông báo số 14/TB-VPCP ngày 09/01/2018 của Văn phòng Chính phủ.

b) *Sản xuất gạch xây không nung*: Tiếp tục triển khai các dự án đã có chủ trương đầu tư đầu tư sản xuất gạch không nung nhằm đảm bảo đến năm 2020 đạt sản lượng 150 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm.

2.2. Kế hoạch cụ thể:

a) Giai đoạn 2018 - 2020:

Dự kiến sản lượng sản xuất gạch xây giai đoạn 2018 - 2020:

ST T	Địa điểm	Số lượng dây chuyên	Công suất thiết kế (Tr.v/ năm)	Tổng sản lượng (Tr.v/ năm)	Kế hoạch sản xuất qua các năm (Tr.v/năm)		Ghi chú
					2018	2019 - 2020	
I	Gạch tuynen			110	50	110	
1	Tp. Kon Tum	5	10	50	50	50	Giữ ổn định
		3	20	60	-	60	Đầu tư theo dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt
II	Gạch không nung			150	60	150	
1	Tp. Kon Tum	4	10	40	20	40	Phát triển mở rộng
2	Huyện Sa Thầy	1	5	5	5	5	Phát triển mở rộng
3	Huyện Đăk Hà	3	10	30	10	30	Phát triển mở rộng
4	Huyện Đăk Tô	2	5	10	5	10	Phát triển mở rộng
5	Huyện Ngọc Hồi	3	10	30	10	30	Phát triển mở rộng
6	Huyện Đăk Glei	1	5	5	5	5	Phát triển mở rộng
7	Huyện Tu Mơ Rông	1	5	5	-	5	Phát triển mở rộng
8	Huyện Ia H' Drai	1	5	5	-	5	Phát triển mở rộng
9	Huyện Kon Rẫy	1	5	5	-	5	Phát triển mở rộng
10	Huyện Kon Plông	3	5	15	5	15	Phát triển mở rộng
III	Gạch đất sét nung bằng lò thủ công			-	76	20	Giảm theo lộ trình

(Chi tiết có Phụ lục 01 kèm theo)

Đến năm 2020, năng lực sản xuất gạch xây của tỉnh đạt sản lượng 280 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm và cơ cấu sản phẩm như sau:

- Gạch nung bằng lò tuy nhen là 110 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm; gạch đất sét nung bằng lò thủ công là 20 triệu viên/năm. Chiếm tỷ lệ 46,4 %.

- Gạch không nung các loại: 150 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm, chiếm tỷ lệ 53,6%.

b) Giai đoạn 2021 - 2025:

- Sản xuất gạch bằng lò tuy nhen: Cần tiếp tục giữ ổn định sản xuất theo quy mô chủ trương đã có trên địa bàn tỉnh đạt sản lượng khoảng 110 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm.

- Sản xuất gạch không nung:

+ Đối với địa bàn thành phố Kon Tum: Ổn định các cơ sở sản xuất gạch không nung đã có và phát triển mở rộng sản lượng 40 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm.

+ Đối với các huyện còn lại: Nâng công suất và dây chuyền của cơ sở hiện có từ 5 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm lên 10 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm; đầu tư xây dựng mới để đảm bảo mỗi huyện có từ 01 - 02 cơ sở sản xuất gạch không nung với công suất 10 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm.

- Chấm dứt hoàn toàn sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công.

(Chi tiết có Phụ lục 02 kèm theo)

V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ chủ yếu

- Tổ chức thực hiện đúng các nội dung lộ trình chấm dứt sản xuất gạch xây đất sét nung bằng lò thủ công; sản xuất gạch tuy nhen, gạch không nung và sử dụng vật liệu xây không nung trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch này.

- Xây dựng, bổ sung các giải pháp cụ thể, cần thiết phù hợp với quy định pháp luật và thực tiễn của địa phương; ban hành đầy đủ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để việc thực hiện chương trình phát triển vật liệu xây không nung đến năm 2020 và lộ trình giảm dần, chấm dứt sản xuất gạch xây đất sét nung bằng lò thủ công trên địa bàn tỉnh Kon Tum được đồng bộ, thống nhất và có hiệu quả.

- Nghiên cứu, lựa chọn các lò gạch có công nghệ mới trong sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất gạch nung đảm bảo các quy định, quy chuẩn hiện hành để tuyên truyền, hướng dẫn áp dụng, triển khai trên địa bàn tỉnh.

2. Giải pháp thực hiện

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội.

- Bổ sung các văn bản hướng dẫn, tạo sự thống nhất trong tổ chức thực hiện, kịp thời giúp đỡ, tháo gỡ khó khăn cho cơ sở. Đối với cơ sở, hộ cá thể sản xuất gạch xây đất sét nung bằng lò nung thủ công có thể chuyển đổi thành mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã để sản xuất gạch nung theo công nghệ mới.

- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kiên quyết xử lý triệt để những trường hợp vi phạm theo quy định.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện kế hoạch này.

- Tăng cường phối hợp với các đơn vị tư vấn tổ chức hội thảo giới thiệu các mô hình sản xuất gạch không nung, lò nung sản xuất vật liệu xây dựng theo công nghệ tiên tiến, hiện đại và kinh phí thực hiện các công nghệ này.

- Thực hiện nghiêm túc Thông tư số 13/2017/TT-BXD ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quy định sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng, cụ thể từ ngày 01 tháng 02 năm 2018:

+ Các công trình xây dựng được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn vay của doanh nghiệp có vốn nhà nước lớn hơn 30% trên địa bàn tỉnh phải sử dụng vật liệu xây không nung trong tổng số vật liệu xây với tỷ lệ như sau: Tại thành phố Kon Tum phải sử dụng tối thiểu 70%, tại các huyện phải sử dụng tối thiểu 50%.

+ Các công trình xây dựng từ 09 tầng trở lên phải sử dụng tối thiểu 80% vật liệu xây không nung trong tổng số vật liệu xây.

+ Khuyến khích sử dụng vật liệu xây không nung vào các công trình xây dựng không phân biệt nguồn vốn, số tầng.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và của tỉnh về khuyến khích sản xuất và ưu tiên sử dụng vật liệu xây không nung trên địa bàn tỉnh.

b) Ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các nội dung cụ thể của Chương trình phát triển vật liệu xây không nung phù hợp với điều kiện của tỉnh.

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố rà soát tình hình nguyên liệu và quy hoạch vùng nguyên liệu phù hợp với việc sản xuất gạch xây không nung trên địa bàn tỉnh; công bố, giới thiệu, đề các doanh nghiệp tìm hiểu, đầu tư xây dựng các dây chuyền công nghệ sản xuất vật liệu không nung.

d) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân lập dự án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất vật liệu xây không nung để trình duyệt theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng.

e) Phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng các chương trình xúc tiến đầu tư sản xuất vật liệu xây không nung; chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung; định hướng cho các cơ sở sản xuất gạch xây không nung nghiên cứu để sản phẩm phù hợp với điều kiện thi công; kiểm soát chặt chẽ chất lượng trong quá trình sản xuất; xây dựng giá thành phù hợp, đảm bảo tính cạnh tranh với các loại gạch xây truyền thống;

g) Phối hợp với Sở Tài chính kịp thời bổ sung giá các loại vật liệu xây không nung hàng tháng;

h) Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ tỷ lệ sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình

xây dựng (thể hiện rõ trong hồ sơ thiết kế, thẩm định, trình phê duyệt ... và thực tế thi công).

i) Định kỳ hàng năm, rà soát, đánh giá tình hình đầu tư sản xuất và sử dụng vật liệu xây không nung trên địa bàn tỉnh, báo cáo Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh.

k) Chỉ đạo Thanh tra Sở Xây dựng tăng cường kiểm tra, thanh tra, xử lý đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở; Quản lý sử dụng nhà ở và công sở.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát lại quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khai thác đất sét làm nguyên liệu sản xuất gạch, ngói nung; quy hoạch các nguồn nguyên liệu cung ứng cho việc sản xuất vật liệu xây không nung; tăng cường kiểm tra việc quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên đất sét để sản xuất gạch.

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố giám sát tình trạng ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung, đặc biệt là các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công, kịp thời phát hiện vi phạm và xử lý theo quy định.

c) Hướng dẫn tổ chức, cá nhân sử dụng chất thải công nghiệp làm nguyên liệu, nhiên liệu, phụ gia để sản xuất vật liệu xây không nung đảm bảo quy định về môi trường trong quá trình vận chuyển, lưu trữ và sản xuất.

d) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các ngành, các cấp liên quan đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh đề trình Hội đồng nhân dân quyết định nâng mức phí bảo vệ môi trường đối với việc khai thác đất sét làm gạch nung lên mức tối đa.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Quản lý và hướng dẫn quản lý sử dụng đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, nhất là đất trồng lúa và rau màu theo đúng quy định tại Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và các quy định liên quan khác của pháp luật.

b) Quản lý và nghiêm cấm các hành vi lợi dụng việc cải tạo đồng ruộng để khai thác đất sét trái phép.

c) Phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tăng cường kiểm tra việc sử dụng đất nông nghiệp để khai thác đất sét làm nguyên liệu sản xuất gạch, ngói nung để kịp thời phát hiện xử lý theo quy định các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Luật đê điều, Pháp lệnh phòng, chống lụt bão và các trường hợp gây thiệt hại đến sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

d) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tư vấn chuyển đổi nghề nghiệp, đào tạo nghề mới cho người lao động đang làm việc tại các lò thủ công sau khi bị xóa bỏ theo Kế hoạch này, đồng thời lồng ghép Chương trình này với Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

4. Sở Giao thông vận tải chỉ đạo Thanh tra giao thông phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý đối với các hành vi vi phạm của các phương tiện vận chuyển gây ô nhiễm môi trường từ các điểm khai thác đất làm gạch, kinh doanh vật liệu xây dựng trong đó có gạch thủ công, gây cản trở giao thông, gây bụi bẩn trên đường phố.

5. Sở Công Thương:

a) Chủ trì phối hợp với các các ngành chức năng rà soát lại quy hoạch mỏ khoáng sản sét làm nguyên liệu sản xuất gạch, ngói nung; quy hoạch các nguồn nguyên liệu cung ứng cho việc sản xuất vật liệu xây không nung.

b) Chủ trì phối hợp với các ngành chức năng thực hiện chính sách khuyến công hàng năm vào việc hỗ trợ chuyển đổi công nghệ cho các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung sử dụng công nghệ nung bằng lò thủ công; xem xét chính sách khuyến công hỗ trợ chuyển đổi nâng cấp công nghệ cho lò nung thủ công sản xuất vật liệu xây dựng.

c) Nghiên cứu tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị Bộ Công Thương hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công Quốc gia cho việc chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến. Hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu và hoạt động xúc tiến thương mại trong nước đối với sản phẩm vật liệu xây không nung.

d) Cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu về các nội dung được giao nhiệm vụ tại Kế hoạch này để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị, địa phương liên quan nơi có lò gạch thủ công, xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho nông dân, trong đó có tư vấn chuyển đổi nghề nghiệp, đào tạo nghề mới cho người lao động đang làm việc tại các lò gạch thủ công sau khi bị xóa bỏ theo Kế hoạch này.

7. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng giới thiệu các công nghệ sản xuất vật liệu xây không nung tiên tiến, hiện đại đến các nhà đầu tư có nhu cầu; hướng dẫn nhà đầu tư lựa chọn công nghệ, thiết bị đảm bảo về môi trường, đồng bộ, phù hợp với quy mô sản xuất, ưu tiên lựa chọn thiết bị sản xuất được trong nước; thẩm định công nghệ các dự án đầu tư sản xuất vật liệu xây không nung trên địa bàn tỉnh.

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sản xuất vật liệu xây trên địa bàn tỉnh đầu tư, đổi mới công nghệ; tham gia các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia; ứng dụng các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực vật liệu xây không nung được hưởng các ưu đãi của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ địa phương, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, áp dụng ưu đãi về chuyển giao công nghệ theo Luật Chuyển giao công nghệ.

c) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sản xuất vật liệu xây không nung thực hiện công bố hợp quy theo quy định.

d) Ưu tiên bố trí vốn cho các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sản xuất vật liệu xây không nung và sản xuất thiết bị cho sản xuất vật liệu xây không nung.

e) Cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu về các nội dung được giao nhiệm vụ tại Kế hoạch này để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan nghiên cứu xây dựng Kế hoạch xúc tiến đầu tư sản xuất vật liệu xây không nung trong chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm của tỉnh.

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chấp nhận chủ trương đầu tư cho các dự án sản xuất vật liệu xây dựng đảm bảo điều kiện: Dự án phù hợp với Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng của tỉnh, có công nghệ tiên tiến, hiện đại, mức tiêu hao nguyên liệu, nhiên liệu thấp, sản phẩm đạt chất lượng cao, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường.

c) Phối hợp Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan trong việc hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ tỷ lệ sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng.

9. Sở Tài chính:

a) Phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn thực hiện các chế độ, chính sách liên quan theo quy định, hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức quản lý về giá các loại vật liệu xây không nung trên thị trường, không để tình trạng các sản phẩm này trở thành độc quyền của một số nhà cung cấp, đẩy giá tăng cao bất hợp lý.

c) Phối hợp với Sở Xây dựng thẩm định, công bố giá các loại vật liệu xây không nung tại địa phương.

d) Phối hợp các đơn vị liên quan hướng dẫn thực hiện các chính sách thuế liên quan và mức thuế suất của thuế tài nguyên đối với nguyên liệu sản xuất gạch theo quy định của Bộ Tài chính.

10. Cục thuế tỉnh:

a) Quản lý thuế, hướng dẫn cho các cơ sở có dự án đầu tư, sản xuất vật liệu xây không nung; chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung thực hiện kê khai, nộp thuế theo đúng quy định.

b) Nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh giải pháp chống thất thu thuế đối với hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng, nhất là việc khai thác đất, sản xuất và sử dụng gạch nung bằng lò thủ công trên địa bàn tỉnh.

11. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh:

a) Hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đảm bảo điều kiện về công nghệ, môi trường và quy mô được đầu tư nhà máy sản xuất vật liệu xây không nung, các nhóm vật liệu xây dựng khác trong các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp được giao quản lý theo quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng của tỉnh đến năm 2020.

b) Cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng định kỳ 06 tháng (*trước ngày 15 tháng 6*), một năm (*trước ngày 15 tháng 12*) hoặc đột xuất về tình hình đầu tư, sản xuất vật liệu xây không nung, trình độ công nghệ của các doanh nghiệp hoạt

động trong các Khu công nghiệp để tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố *(địa bàn còn tồn tại lò nung thủ công)*:

a) Thành lập ban chỉ đạo xóa bỏ lò nung thủ công, phân công cụ thể cho từng thành viên trực tiếp theo dõi và chỉ đạo thực hiện Kế hoạch này, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh *(thông qua Sở Xây dựng)*.

b) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Chính phủ, Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh về lộ trình xóa bỏ lò gạch, ngói thủ công, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất vật liệu xây không nung trên địa bàn.

c) Lập phương án triển khai thực hiện việc xóa bỏ các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công trên địa bàn *(trong đó có nội dung đánh giá về đặc điểm của các cơ sở, hộ cá thể sản xuất gạch, khả năng chuyển đổi ngành nghề khi xóa bỏ sản xuất gạch xây đất sét nung bằng lò thủ công để làm cơ sở hướng dẫn các chính sách hỗ trợ của Trung ương)*, đề xuất phương án xử lý, giải tỏa lò nung thủ công sản xuất vật liệu xây dựng gây ô nhiễm môi trường *(phân nhóm đối tượng để làm cơ sở xây dựng lộ trình giảm dần và chấm dứt sản xuất gạch xây đất sét nung bằng lò thủ công)*. Kiên quyết chỉ đạo, tập trung ngăn chặn, xử lý các tình trạng khai thác, sử dụng đất sét trái phép để sản xuất gạch đất sét nung, cưỡng chế lò nung thủ công theo đúng Kế hoạch này.

d) Không cho phép đầu tư xây mới hoặc tái sản xuất *(đối với các cơ sở đã chấm dứt hoạt động)* các cơ sở sản xuất gạch, ngói đất sét nung bằng lò thủ công trên địa bàn. Không được sử dụng các loại đất sét sau để sản xuất gạch, ngói đất sét nung: Đất sản xuất nông nghiệp, đất trong phạm vi các khu di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh; đất thuộc phạm vi bảo vệ hành lang đường giao thông, đê, kè, cầu, cống, đường điện cao thế, khi cần thiết cải tạo đồng ruộng thì phải thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

đ) Chỉ đạo các phòng chuyên môn tăng cường kiểm tra, thanh tra, xử lý đối với các hành vi vi phạm quy định tại các Nghị định của Chính phủ: Số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở; Quản lý sử dụng nhà ở và công sở; số 179/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật khác theo thẩm quyền.

e) Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công chuyển đổi nghề nghiệp.

g) Báo cáo Sở Xây dựng định kỳ 06 tháng *(trước ngày 15 tháng 6)*, một năm *(trước ngày 15 tháng 12)* hoặc đột xuất về danh sách các chủ đầu tư và dự án trên địa bàn có sử dụng vật liệu xây không nung, loại vật liệu xây không nung, số lượng sử dụng và tỷ lệ sử dụng (%) trên tổng số vật liệu xây của công trình,

đặc biệt là các đối tượng bắt buộc sử dụng, đề tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh.

13. Các tổ chức, cá nhân sản xuất gạch đất sét nung và vật liệu xây không nung trên địa bàn tỉnh:

a) Chủ động, tích cực thực hiện chủ trương, chính sách của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và của tỉnh về khuyến khích sản xuất và ưu tiên sử dụng vật liệu xây không nung trên địa bàn tỉnh.

b) Tăng cường quản lý sản xuất, quy trình công nghệ, quản lý kỹ thuật, tăng cường hợp tác đầu tư với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để sản xuất sản phẩm tốt, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật; tăng cường quản trị doanh nghiệp để giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường, góp phần thay thế loại bỏ các loại gạch thủ công, thủ công cải tiến, lò vòng và lò tuyen trong tỉnh.

c) Thực hiện việc công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, chủ động quảng bá, giới thiệu sản phẩm trên thị trường trong và ngoài tỉnh.

14. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Kon Tum xây dựng chương trình, thời lượng cụ thể và đăng tải các nội dung tuyên truyền thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách; pháp luật của Nhà nước về quản lý, đầu tư sản xuất kinh doanh, định hướng sản xuất vật liệu xây dựng, lộ trình chấm dứt hoạt động sản xuất gạch đất sét nung, sản xuất vật liệu xây dựng bằng lò nung thủ công; khuyến khích sản xuất, ưu tiên sử dụng vật liệu xây không nung và hạn chế sản xuất, sử dụng gạch đất sét nung trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ vào Kế hoạch này, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị, tổ chức liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện. Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 286/KH-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển vật liệu xây không nung đến năm 2020 và lộ trình giảm dần, chấm dứt sản xuất gạch xây đất sét nung bằng lò thủ công trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Xây dựng) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: XD, KHĐT, TNMT, TC, CT, KHCN, TTTT, LĐTBXH, NN&PTNT, GTVT;
- Cục thuế tỉnh;
- Ban Quản Lý khu kinh tế;
- UBND các huyện, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Kon Tum;
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP_{HTKT};
- Lưu: VT, HTKT1,4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Tuy

Phụ lục 01

(Kèm theo Kế hoạch số 548/KH-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên cơ sở sản xuất	Loại hình sản xuất	Số lượng dây chuyền	Công suất thiết kế 01 dây chuyền (Tr.v/năm)	Tổng sản lượng (Tr.v/năm)	Kế hoạch sản xuất qua các năm (Tr.v/năm)		Ghi chú
						2018	2019 - 2020	
A	GẠCH TUY NEN				110	50	110	
1	Công ty TNHH Hùng Phát	Lò tuy nen	2	15	30	10	30	Mở rộng dây chuyền
2	Công ty TNHH Hòa Nghĩa	Lò tuy nen	2	15	30	20	30	Mở rộng dây chuyền
3	Công ty cổ phần Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum	Lò tuy nen	2	10	20	20	20	Mở rộng dây chuyền
4	Công ty TNHH MTV Phúc Thịnh Phát Kon Tum	Lò tuy nen	1	10	10	-	10	Đầu tư xây dựng theo chủ trương đầu tư đã được chấp thuận
5	Công ty cổ phần đầu tư gạch Tuynel Đức Bảo	Lò tuy nen	1	20	20	-	20	Đầu tư xây dựng theo chủ trương đầu tư đã được chấp thuận
B	GẠCH KHÔNG NUNG				150	60	150	
1	Thành phố Kon Tum		4	10	40	20	40	Đầu tư xây dựng mới
2	Huyện Đăk Tô		2	5	10	5	10	Đầu tư xây dựng mới
3	Huyện Ngọc Hồi		3	10	30	10	30	Đầu tư xây dựng mới
4	Huyện Đăk Glei		1	5	5	5	5	Đầu tư xây dựng mới
5	Huyện Tu Mơ Rông		1	5	5	-	5	Đầu tư xây dựng mới
6	Huyện Đăk Hà		3	10	30	10	30	Đầu tư xây dựng mới
7	Huyện Kon Rẫy		1	5	5	-	5	Đầu tư xây dựng mới
8	Huyện Kon Plông		3	5	15	5	15	Đầu tư xây dựng mới
9	Huyện Sa Thầy		1	5	5	5	5	Đầu tư xây dựng mới
10	Huyện Ia H'Drai		1	5	5	-	5	Đầu tư xây dựng mới
C	GẠCH THỦ CÔNG				20	76	20	Giảm theo lộ trình

Phụ lục 02

(Kèm theo Kế hoạch số 48 /KH-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên cơ sở sản xuất	Loại hình sản xuất	Số lượng dây chuyền	Công suất thiết kế 01 dây chuyền (Tr.v/năm)	Tổng sản lượng (Tr.v/năm)	Kế hoạch sản xuất năm 2020 - 2025 (Tr.v/năm)	Ghi chú
A	GẠCH TUY NEN				110	110	
1	Công ty TNHH Hùng Phát	Lò tuy nen	2	15	30	30	Ổn định sản xuất
2	Công ty TNHH Hòa Nghĩa	Lò tuy nen	2	15	30	30	Ổn định sản xuất
3	Công ty cổ phần Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum	Lò tuy nen	2	10	20	20	Ổn định sản xuất
4	Công ty TNHH MTV Phúc Thịnh Phát Kon Tum	Lò tuy nen	1	10	10	10	Ổn định sản xuất
5	Công ty cổ phần đầu tư gạch Tuynel Đức Bảo	Lò tuy nen	1	20	20	20	Ổn định sản xuất
B	GẠCH KHÔNG NUNG				170	170	
1	Thành phố Kon Tum		4	10	40	40	Đầu tư xây dựng mới
2	Huyện Đăk Tô		2	10	20	20	Đầu tư xây dựng mới
3	Huyện Ngọc Hồi		3	10	30	30	Đầu tư xây dựng mới
4	Huyện Đăk Glei		1	5	5	5	Đầu tư xây dựng mới
5	Huyện Tu Mơ Rông		1	5	5	5	Đầu tư xây dựng mới
6	Huyện Đăk Hà		3	10	30	30	Đầu tư xây dựng mới
7	Huyện Kon Rẫy		2	10	20	20	Đầu tư xây dựng mới
8	Huyện Kon Plông		3	5	15	15	Đầu tư xây dựng mới
9	Huyện Sa Thầy		2	5	10	10	Đầu tư xây dựng mới
10	Huyện Ia H'Drai		1	5	5	5	Đầu tư xây dựng mới
	Cộng				280	280	